

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2020/HS-PT  
Ngày 06 - 5 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Ngọc Huân.

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Nhật Tân và bà Phan T Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Đức Thiện- Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2020/TLHS- PT ngày 06 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Xuân T do có kháng cáo của người giám hộ cho bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án huyện CM, thành phố Hà Nội.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Bùi Xuân T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn ĐT, xã ĐY, huyện QO, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1 và bà Khuất Thị N; Vợ: Nguyễn Thị T2 và có 2 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008); Danh chỉ bản số 488 lập ngày 26/8/2019 tại Công an huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Nhân thân:

- Ngày 21/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện CM, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ ngày 22/3/2016.

- Ngày 30/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện QO, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi xét xử sơ thẩm Bùi Xuân T kháng cáo, nên bản án chưa có hiệu lực. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984, cư trú tại: thôn ĐT, xã ĐY, huyện QO, Thành phố Hà Nội (vợ bị cáo Bùi Xuân T). (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Quang T3 – Công ty Luật TNHH MTV PQ – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

**- Người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

2. Anh Trịnh Bá C, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 31, tổ 5, khu TT, Thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Bá C ủy quyền cho bà Lê Thị N1, sinh năm 1962; cư trú tại khu TT, Thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/6/2019 có xác nhận của UBND Thị trấn XM, huyện CM). (Vắng mặt)

**- Những người tham gia tố tụng khác:**

+ Những người làm chứng làm chứng:

1. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1954. (Có mặt)

2. Chị Bùi Thị K, sinh năm 1972. (Có mặt)

Đều đăng ký HKTT và cư trú: thôn ĐT, xã ĐY, huyện QO, Thành phố Hà Nội

3. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 3, khu TT, Thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 7 giờ 00 phút ngày 13/02/2019, Bùi Xuân T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29V7-426.42 của gia đình, đi từ nhà theo đường tỉnh lộ 421 hướng QO đi Thị trấn XM. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận tổ 5, khu TT, Thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội, T nhìn thấy quán cắt tóc của chị Nguyễn Thị N ở tổ 5, khu TT, Thị trấn XM, huyện CM cửa mở, T dựng xe mô tô ở trước cửa quán và đi vào quán. Quan sát không thấy có ai trong phòng, T đi qua khu vực cắt tóc, gọi đầu và đi vào phía trong phòng khách, T phát hiện trên kệ để ti vi có để 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, T tiến đến lấy 02 chiếc điện thoại và cất giấu vào trong túi quần bỏ phía sau bên phải của mình. Sau khi lấy được 02

chiếc điện thoại, T đi ra ngoài. Đúng lúc này, chị N đi từ trong nhà ra, nhìn thấy T đang đi từ trong nhà mình ra, chị N hỏi: “*Anh vào đây để làm gì?*”, T đáp: “*Tôi vào để cắt tóc*”. Chị N không nghi ngờ gì bảo T ngồi xuống ghế để cắt tóc. T sợ bị phát hiện lấy trộm điện thoại, nên nói với chị N: “*Không cắt tóc nữa, tí quay lại cạo râu*” và đi ra ngoài đường. Lúc này, chị N nhìn phát hiện túi quần sau bên phải của T thò ra 01 phần của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có đặc điểm giống điện thoại của mình. Chị N nhìn vào vị trí để 02 chiếc điện thoại, thấy không còn nữa. Cho rằng T lấy trộm 02 chiếc điện thoại di động của mình nên chị N hô hoán để mọi người giúp bắt giữ T lại. Nghe thấy tiếng chị N hô hoán, anh Trịnh Bá C (chồng chị N) đang ở trong bếp, chạy ra đuổi theo T, hô hào và cùng một số người dân ở gần đó bắt giữ được T và điện báo Công an Thị Trấn XM. Công an Thị Trấn XM đến thu giữ tang vật là 02 chiếc điện thoại mà T vừa lấy trộm được và lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang. Sau đó, Công an Thị Trấn XM bàn giao hồ sơ, đối tượng và tang vật đến Cơ quan điều tra Công an huyện CM giải quyết.

*Vật chứng vụ án:*

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu xám, ốp nhựa màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu trắng, ốp nhựa màu vàng, bên trong có 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, biển kiểm soát 29V7-426.42 xe cũ đã qua sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 15/KL- HĐĐG ngày 13/02/2019 của hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện CM kết luận: *Chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu xám, ốp nhựa màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng trị giá: 3.200.000đ (Ba triệu, hai trăm nghìn đồng). Chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu trắng, ốp nhựa màu vàng, bên trong có 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 50.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành trị giá: 3.200.000đ + 50.000đ = 3.250.000đ (Ba triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 6.450.000đ (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).*

Cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 08/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM truy tố bị cáo Bùi Xuân T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 130/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Bùi Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm g, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bùi Xuân T 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 02/12/2019, người đại diện hợp pháp của bị cáo là chị Nguyễn Thị T2 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo vì bị cáo bị bệnh, không thể tự chăm sóc mình, hiện nay phải có người chăm sóc nếu bắt bị cáo đi thi hành án thì không có ai chăm sóc bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và cho bị cáo đi chữa bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kết luận vụ án và đề nghị:

- Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật cho bị cáo trong thời hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị cáo có 01 tiền án đã xóa án tích, và 01 tiền án vừa bị xét xử phúc thẩm. Cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xem xét tình trạng bệnh tật của bị cáo để xử phạt 08 (Tám) tháng tù là có căn cứ nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật cho bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư người bào chữa cho bị cáo kháng tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hồ sơ bệnh án, bệnh tật của bị cáo, hiện bị cáo không có khả năng chấp hành án. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bác ruột là liệt sỹ, bố là thương binh bị chất độc màu da cam đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Xuân T trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo trình

tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo không khai nhận, không trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên về hành vi trộm cắp 02 chiếc điện thoại của chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Bá C vào sáng ngày 13/02/2019.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo là chị Nguyễn Thị T2 (Vợ bị cáo T) thừa nhận sau khi bị cáo Bùi Xuân T bị bắt giữ, chị T đã có mặt chứng kiến cơ quan Công an ghi lời khai đối với bị cáo Bùi Xuân T trong quá trình điều tra chị T2 đi cùng bị cáo đến cơ quan điều tra ghi lời khai của bị cáo, quá trình lấy lời khai cơ quan điều tra, bị cáo T không bị đánh đập hay ép cung mặc dù bị cáo T bị bệnh hạn chế khả năng nhận T nên việc khai báo gặp khó khăn.

Bị cáo T bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, quá trình lấy lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra đều có người đại diện hợp pháp cho bị cáo là chị Nguyễn Thị T2 và những người thân thích của bị cáo là ông Bùi Văn S (Chú ruột bị cáo), chị Bùi Thị K (Chị ruột bị cáo). Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung đều có chứng kiến của luật sư được cử bào chữa cho bị cáo.

Tại bản kết luận giám định số 104/KLGD ngày 17/4/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: *“Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định đối tượng Bùi Xuân T bị bệnh chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71. Tại các thời điểm trên đối tượng hạn chế khả năng nhận T và điều khiển hành vi.”* (BL 27).

Ngày 19/7/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện CM đã có văn bản số 232/CQĐT gửi Viện Pháp y tâm thần Trung ương đề nghị làm rõ năng lực trách nhiệm hình sự đối với Bùi Xuân T. Ngày 26/7/2019, Viện Pháp y tâm thần Trung ương có văn bản số 885/VPYTTTU' phúc đáp, nội dung: *“Căn cứ điều 5 Nghị định số 64/2011/NĐCP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định về việc thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh và Điều 49 quy định về biện pháp bắt buộc chữa bệnh của Bộ luật hình sự năm 2015, Bùi Xuân T không thuộc diện áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh”.* (BL 32)

Căn cứ vào kết luận giám định số 104/KLGD ngày 17/4/2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương đã kết luận: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo Bùi Xuân T bị bệnh chậm phát triển tâm thần vừa và tại các thời điểm trên bị cáo hạn chế khả năng nhận T và điều khiển hành vi chứ bị cáo không bị mất khả năng nhận T hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Do đó, căn cứ vào lời khai của Bùi Xuân T, lời khai của người bị hại, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ

00 phút ngày 13/02/2019, tại nhà chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Bá C ở khu TT, Thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội, Bùi Xuân T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động (một chiếc hiệu Iphone 6 Plus màu xám, ốp nhựa màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng; một chiếc hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, ốp nhựa màu vàng, bên trong có 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành, điện thoại cũ đã qua sử dụng). Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.450.000đ (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Thị N.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân T, Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo Bùi Xuân T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Bùi Xuân T và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 08 (Tám) tháng tù là nghiêm khắc. Bởi lẽ, gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bác ruột là liệt sỹ, có bố là thương binh, hiện bị cáo đang bị bệnh hạn chế khả năng nhận T và hạn chế khả năng điều khiển hành vi nên chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Xuân T. Sửa bản án sơ thẩm số 130/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM, thành phố Hà Nội về phần quyết định hình phạt.

Tuyên bố: Bùi Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bùi Xuân T, 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải nộp án phí Hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện CM, thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện CM, thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện CM, thành phố Hà Nội;
- Công an huyện CM, thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Vp+Hsva./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Huân**